

Bài 17

BỔ PHÁP

MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này, học viên phải:

1. Nêu được định nghĩa của Bổ pháp.
2. Phân loại được 4 phương pháp Bổ kinh điển và chỉ định của chúng.

1. ĐỊNH NGHĨA

Bổ pháp là phương pháp dùng các vị thuốc có tính bổ dưỡng phối hợp thành bài thuốc biện chứng để chữa các chứng hư nhược do bẩm sinh, do dinh dưỡng hoặc do bệnh tật gây ra.

Chú ý:

- Dùng thuốc Bổ trước hết phải chú ý đến Tỳ Vị. Tỳ Vị có được kiện vận thì pháp Bổ mới có hiệu quả.
- Chứng hư lâu ngày phải bổ từ từ.
- Tùy theo tình trạng của người bệnh, tùy theo giai đoạn tiến triển của bệnh mà có khi phải phối hợp thuốc bổ với các thuốc chữa bệnh khác.
- Thuốc bổ phải được nấu (sắc thuốc) trong thời gian lâu.
- Bệnh hư do Hậu thiên nên lấy bổ Tỳ Vị là chính, bệnh hư do Tiên thiên bất túc nên lấy bổ Thận làm chính.
- Thực tà chưa giải, chưa nên dùng thuốc bổ.

PHÂN LOẠI

Hư chứng có 4 loại chính, do đó Bổ pháp cũng có 4 pháp chính.

Bổ Khí :

- + Dùng để chữa các chứng trạng Khí hư (hơi thở ngắn, mệt mỏi khi gắng sức nhẹ, tự hãn, ăn uống kém, mạch hư. Ngoài ra, còn có thể thêm các triệu chứng sa sinh dục, sa tạng phủ, đái són).

- + Bài thuốc tiêu biểu là **Tứ quân** (gồm Nhân (Đảng) sâm, Bạch truật, Bạch linh, Cam thảo).

Chú ý: Khi Tỳ Vị có đờm thấp thì phải dùng thuốc Hóa đờm trừ thấp.

Bổ Huyết :

- + Dùng để chữa các chứng trạng Huyết hư (sắc mặt tái, môi móng nhợt, hoa mắt, chóng mặt, tay chân tê, mất ngủ, đánh trống ngực, kinh nguyệt ít, sắc kinh nhợt, chất lưỡi nhợt, mạch Tế hoặc Tế sắc).
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Tứ vật** (gồm Thục địa, Xuyên khung, Đương quy, Bạch thược).

Bổ dương:

- + Dùng để chữa các chứng trạng dương hư (sợ lạnh, tay chân lạnh, ăn không tiêu, di tinh, liệt dương, đau lưng, mỏi gối, tiêu chảy, tiểu nhiều, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhợt, mạch nhược).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Hữu quy hoàn (gồm Thục địa, Sơn thù, Kỷ tử, Lộc giác giao, Thổ ty tử, Đỗ trọng, Đương quy, Nhục quế, Phụ tử chế) hoặc dùng bài Bát vị. Cả 2 bài đều mang tính chất ôn bổ Thận dương.

Bổ Âm:

- + Dùng để chữa các chứng trạng âm hư (triều nhiệt, nhức trong xương, ho khan, họng khô đau, 2 gò má đỏ, đạo hãn, ngũ tâm phiền nhiệt, bực rức không yên, tiểu sền đỏ, táo bón, lưỡi đỏ ít rêu, mạch Tế sắc).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Tả quy hoàn (gồm Thục địa, Sơn thù, Quy bản, Kỷ tử, Lộc giác giao, Thổ ty tử, Ngưu tất) hoặc bài Lục vị (gồm Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đơn bì, Trạch tả, Phục linh). Cả 2 bài trên đều mang tính chất Tư dưỡng Thận âm.

Ngoài 4 pháp Bổ chung như trên, còn do tình trạng hư nhược của mỗi tạng phủ mà pháp Bổ còn phân ra:

Bổ Phế âm :

- + Dùng để chữa những chứng do Phế âm hư gây ra (ho lâu ngày, ho khốc khác, ho khan, ho ra máu, gò má đỏ, triều nhiệt, đạo hãn, cổ khô, tiếng khàn, chất lưỡi đỏ khô, mạch Tế sắc).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Bách hợp cố kim thang (gồm Bách hợp, Sinh địa, Thục địa, Mạch môn, Bối mẫu, Sinh Cam thảo, Huyền sâm, Cát cánh, Đương quy, Bạch thược).

Bổ Phế khí :

- + Dùng để chữa những chứng do Phế khí hư gây ra (ho không có sức, thở ngắn, ngại nói, tiếng nói nhỏ, thiếu khí, tự hãn, sắc mặt trắng bệch, lưỡi nhợt, mạch Hư nhược).

- + Bài thuốc tiêu biểu là **Bổ phế thang** (gồm Đảng sâm, Huỳnh kỳ, Chích cam thảo, Ngũ vị tử, Hoài sơn).

Bổ Thận âm :

- + Dùng để chữa những chứng do Thận âm hư gây ra (cốt chùng, đau nhức trong xương, đau lưng, ù tai, miệng khô, họng ráo, di tinh, 2 gò má đỏ, ngũ tâm phiền nhiệt, sốt về chiều, lưỡi đỏ không rêu, mạch Tế sác).
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Lục vị** (gồm Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đơn bì, Trạch tả, Phục linh).

Bổ Thận dương:

- + Dùng để chữa những chứng do Thận dương hư gây ra (sợ lạnh, tay chân lạnh, liệt dương, đau lưng, tinh thần mệt mỏi, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhợt bệu, mạch trầm trì hoặc 2 bộ Xích vô lực).
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Bát vị** (gồm Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đơn bì, Trạch tả, Phục linh, Nhục quế, Phụ tử chế).

Bổ Thận khí :

- + Dùng để chữa những chứng do Thận khí hư gây ra (hoạt tinh, tiểu tiện nhiều và trong, đái són, đái dầm, ngũ canh tả , hen suyễn, khó thở, phù thũng)
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Đại bổ nguyên tiến** (gồm Thục địa, Hoài sơn, Đỗ trọng, Toan táo nhân, Kỳ tử, Sơn thù, Chích Cam thảo, Phá cố chỉ, Bạch truật, Nhục quế, Phụ tử chế).

Bổ tâm âm :

- + Dùng để chữa những chứng do Tâm âm hư gây ra (buồn bực hay lo, ngũ tâm phiền nhiệt, hay quên, mất ngủ, sốt nhẹ, đạo hãn, mạch tế sác).
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Thiên vương bổ tâm đơn** (gồm Đảng sâm, Huyền sâm, Đan sâm, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Sinh địa, Phục linh).

Bổ Tâm dương:

- + Dùng để chữa những chứng do Tâm dương hư gây ra (nặng ngực, thở ngắn, tự hãn, thiếu khí, người lạnh, tay chân lạnh, lưỡi nhợt, mạch Nhược kết hoặc Đại). Bài thuốc tiêu biểu là **Bảo nguyên thang** (gồm Phụ tử chế, Bạch thược, Bạch linh, Can khương).
- + Nếu Tâm dương hư thoát thêm các chứng mồ hôi ra không ngừng, tay chân quyết lạnh, môi tím xanh, thở nhanh nông, thần chí hôn mê, lưỡi tím, mạch Vi muốn tuyệt. Bài thuốc tiêu biểu là **Tứ nghịch thang** (gồm Nhân sâm, Phụ tử chế, Can khương, Cam thảo) hoặc bài **Phụ tử lý trung thang** (gồm Đảng sâm, Bạch truật, Phụ tử chế, Can khương, Cam thảo).

Bổ Tâm khí:

- + Dùng để chữa những chứng do Tâm khí hư gây ra (trống ngực, tự hãn, đoản khí, thiếu khí, sắc mặt xanh, lưỡi nhợt bệu, mạch Hư).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Dưỡng tâm thang (gồm Huỳnh kỳ, Phục thân, Đảng sâm, Phục thân, Bán hạ, Xuyên khung, Ngũ vị tử, Viễn chí, Đương quy, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Phục linh, Chích Cam thảo).

Bổ Tâm huyết :

- + Dùng để chữa những chứng do Tâm huyết hư gây ra (trống ngực, hồi hộp, dễ kinh sợ, vật vã, mất ngủ, hay quên, hoa mắt, chóng mặt, sắc mặt trắng xanh, môi lưỡi nhợt, mạch Tế nhược).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Bá tử dưỡng tâm hoàn (gồm Bá tử nhân, Kỷ tử, Mạch môn, Đương quy, Thạch xương bồ, Thục địa, Phục thân, Cam thảo)

Ôn trung kiện Tỳ :

- + Dùng để chữa những chứng do Tỳ dương hư gây ra (trời lạnh bụng đau, chườm nóng đỡ đau, hay đau bụng, tiêu chảy, người lạnh, tay chân lạnh, lưỡi nhợt, mạch Trầm trì).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Lý trung hoàn (gồm Đảng sâm, Can khương, Bạch truật, Cam thảo).

Kiện Tỳ ích Khí :

- + Dùng để chữa những chứng do Tỳ khí hư gây ra (kém ăn, chậm tiêu, đoản khí, thiếu khí, sắc mặt vàng tái, đại tiện lỏng, lỵ mãn tính, sa tạng, rong kinh, tiện huyết, chất lưỡi nhợt, mạch Hư nhược).
- + Bài thuốc tiêu biểu là **Bổ trung ích khí** (gồm Hoàng kỳ, Đảng sâm, Bạch truật, Chích Cam thảo, Đương quy, Trần bì, Thăng ma, Sài hồ).

Dưỡng Vị Âm :

- + Dùng để chữa những chứng do Tân dịch giảm sút gây ra (môi miệng khô, thích uống, ăn uống kém sút, viêm loét miệng, chảy máu chân răng, đại tiện táo, lưỡi khô đỏ, mạch Tế sắc).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Ngọc nữ tiến (gồm Thạch cao, Thục địa, Mạch môn, Tri mẫu, Ngưu tất, Sa sâm, Thạch斛).

Tư dưỡng Can âm :

- + Dùng để chữa những chứng do Can âm bất túc gây ra (mắt nhìn không rõ, mắt khô, quáng gà, kinh nguyệt ít).
- + Bài thuốc tiêu biểu là Kỷ cúc địa hoàng hoàn (gồm Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đôn bì, Trạch tả, Phục linh, Kỷ tử, Cúc hoa).

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Chỉ định nào sau đây không thuộc pháp Hãn:

- A. Cảm cúm
- B. Giai đoạn viêm long của sởi
- C. Liệt VII ngoại biên do lạnh
- D. Hen phế quản do lạnh
- E. Cước khí (Phù nề, tím tái, và loét bàn chân do lạnh)

2. Chống chỉ định nào sau đây không thuộc pháp Hãn:

- A. Nôn mửa
- B. Tiêu chảy
- C. Xuất huyết
- D. Táo bón
- E. Shock

3. Chỉ định nào sau đây không thuộc pháp Tân ôn giải biểu:

- A. Phong hàn biểu chứng
- B. Phong thủy
- C. Phong thấp
- D. Hen suyễn do lạnh
- E. Giai đoạn viêm long của sởi

4. Chứng nào sau đây cần thận trọng khi dùng phép Hạ:

- A. Sốt cao
- B. Phù thũng
- C. Cổ trướng
- D. Táo bón
- E. Trùng tích

5. Bài thuốc Tô hợp hương được chỉ định trong:

- A. Trúng phong thương hàn
- B. Trúng phong tạng phủ thuộc chứng Bế
- C. Trúng phong tạng phủ thuộc chứng Thoát
- D. Trúng phong kinh lạc
- E. Trúng lạc

6. Bài thuốc nào được dùng cho chứng Hà tỵ (khối u do huyết ứ kết):

- A. Bảo hoà hoàn
- B. Huyết phủ trực ứ thang
- C. Cách hạ trực ứ thang
- D. Thất lý tán
- E. Tô hợp hương tán

7. Bài thuốc nào được dùng cho chứng Ngoại cảm phong nhiệt ra mồ hôi:

- A. Ma hoàng thang
- B. Quế chi thang
- C. Cửu vị phương hoạt thang
- D. Sài cát giải cơ thang
- E. Ngân kiều tán

8. Bài thuốc “Đại bổ nguyên tiễn” được chỉ định trong:

- A. Tâm thận bất giao
- B. Thận khí hư
- C. Thận âm hư
- D. Thận tỳ dương hư
- E. Phế thận khí hư

9. Bài thuốc nào dùng được Thanh nhiệt ở Huyết phạm:

- A. Bạch hổ thang
- B. Tê giác địa hoàng thang
- C. Thanh ôn bại độc ẩm
- D. Bát chính tán
- E. Lục nhất tán

10. Chứng nào sau đây không dùng pháp Hoà:

- A. Hàn nhiệt vãng lai
- B. Can Tỳ bất hoà
- C. Can Khí uất kết
- D. Chân hàn giả nhiệt
- E. Ôn tà kết vùng mộ nguyên

11. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của phép Tả hạ:

- A. Bì mẫn táo kết
- B. Lý cấp hậu trọng
- C. Nhiệt kết bàng lưu
- D. Phong thủy
- E. Huyền ẩm

12. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của pháp Tiêu:

- A. Choáng váng
- B. Co giật
- C. Chân tay co rút
- D. Phát cuồng
- E. Mồm mắt méo lệch

13. Các chứng hôn mê, trúng phong bất tỉnh, sắc da trắng xanh, tay chân lạnh, mạch trầm trì, nên sử dụng pháp trị:

- A. ôn kinh khử hàn
- B. ôn bổ huyết phân
- C. Ôn hóa khử ú
- D. Trục hàn khai khiếu
- E. Hồi dương cứu nghịch

14. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của pháp Thanh:

- A. Nhiệt tà ở Biểu phận
- B. Nhiệt tà ở Lý phận
- C. Nhiệt tà ở Khí phận
- D. Nhiệt tà ở Dinh phận
- E. Nhiệt tà ở Huyết phận

15. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của phép Bổ âm

- A. Hồi hộp, mất ngủ, hay quên, mộng mị nhiều
- B. Lưng đau, mỏi gối, đầu váng, ù tai, di mộng tinh, ngủ không yên, hay quên
- C. Nóng rét qua lại, ngực sườn đầy tức, miệng đắng, họng khô
- D. Ho hen, đờm ít, nhót dính, xế chiều sốt nhẹ, đạo hãn
- E. Nóng vùng Vị quản, bụng đói cồn cào, táo bón, họng miệng khô ráo

16. Bài thuốc nào dùng được để Thanh nhiệt tả hỏa khi nhiệt tà đang ở Khí phân:

- Hoàng cầm thang
- Thanh dinh thang
- Bạch hổ thang
- Tê giác địa hoàng thang
- Thanh ôn bại độc ẩm

17. Sơ Can lý khí thuộc phép trị bệnh nào?

- Hoà
- Thanh
- Tiêu
- Hạ
- Thổ

18. Bài thuốc nào sau đây có thể dùng để chữa chứng nóng rét qua lại, vật vã, buồn nôn, đau đầu:

- A. Đạt nguyên ẩm
- B. Tiểu sài hồ
- C. Đại sài hồ
- D. Thanh ôn bại độc ẩm
- E. Tê giác địa hoàng thang

19. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của phép Ôn:

- A. Hàn tà xâm nhập Kinh lạc
- B. Ngủ canh tả
- C. Vong Dương
- D. Hàn kết ở Đại trường
- E. Hàn kết ở Vị

20. Chứng nào sau đây không thuộc chỉ định của phép Bổ khí:

- A. Tinh thần uể oải, hoang mang, hồi hộp, thích nằm một chỗ, tự hãn
- B. Đoản khí, tứ chi mệt mỏi, tiêu hoá kém, đại tiện lỏng
- C. Vị quản căng đầy, sờ vào mát lạnh, uống nóng lạnh thì đau, ứa mưa nước trong

D. Ho hen, đoản khí, đờm nhớt trong lỗng, tỵ hãn

E. Sắc mặt trắng nhợt, thất lưng đau, cúi ngửa khó, tiểu nhiều, đại són, hoạt tinh

21. Bài thuốc nào dùng được cho chứng Phong hàn biểu thực chứng:

A. Ngân kiều tán

B. Ma hoàng thang

C. Ma hạnh thạch cam thang

D. Quế chi thang

E. Sài cát giải cơ thang

22. Bài thuốc nào được dùng cho chứng Can âm hư?

A. Kỹ cúc địa hoàng hoàn

B. Bách hợp cố kim thang

C. Đại bổ nguyên tiễn

D. Bổ trung ích khí

E. Quy tỳ thang

23. Cấm kỵ khi dùng pháp Hãn trong:

A. Phù thũng

B. Đau dây thần kinh ngoại biên, co cứng cơ do lạnh

C. Thiếu máu có Khí hư hoặc Âm hư

D. Bệnh truyền nhiễm giai đoạn viêm long

E. Chứng đau nhức

24. Thấp nhiệt tà kết ở Bàng quang nên dùng phép trị:

A. Hạ

B. Hãn

C. Thanh

D. Thở

E. Hoà

25. Bài thuốc nào sau đây chữa chứng thức ăn bị đình trệ ở thực quản?

A. Tam thánh tán

B. Qua đế tán

- C. Tiêu dao tán
- D. Thất tiểu tán.
- E. Thập khô tán.

ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	A
2	D
3	E
4	C
5	B
6	C
7	D
8	B
9	B
10	D
11	D
12	E

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
13	D
14	A
15	C
16	C
17	A
18	A
19	D
20	C
21	B
22	A
23	C
24	C
25	B

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ môn YHDT - Trường Đại học Y Hà Nội. *Bài giảng Đông y - tập I*. NXB Y học Hà Nội. 1994.
2. Bộ Y tế. *Y Dịch*. NXB Y học Hà Nội 1995.
3. Huỳnh Minh Đức. *Nội kinh Linh khu* (Bản dịch và chú giải). NXB Đồng Nai 1988.
4. Huỳnh Minh Đức, *Hoàng đế Nội kinh Linh khu I, II, III*. Hội YHDTCT Đồng Nai 1989.
5. Huỳnh Minh Đức. *Dịch lý Y lý*. NXB Đồng Nai. 1996.
6. Nguyễn Thiện Quyển - Nguyễn Mộng Hưng. *Từ điển Đông y học cổ truyền*. NXB Khoa học & Kỹ thuật 1990.
7. Nguyễn Trung Hòa. *Tóm tắt hiểu biết về Nội kinh*. NXB Hội Y học cổ truyền Tp. Hồ Chí Minh. 1988.
8. Nguyen Van Nghi, Christine R. N. *Médecine Traditionnelle Chinoise. Les 8 vaisseaux*. Ed. N. V. N. 1984.
9. Sở Y tế Thanh Hóa. *Trung y Khái luận - Tập thượng*. 1989.
10. Viện Đông y. *Châm cứu học*. Chương 2 - Kinh lạc. Nhà xuất bản Y học. 1984 trang 40-70.